

Số: 02 /2025/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 21 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số
65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi,
bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục
vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách
nhà nước;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo
cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý, có sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Cà Mau để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách địa phương.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền chi thù lao cho các chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo tháng quy đổi thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh 30.000.000 đồng/người/tháng; chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở 18.000.000 đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ;

Mức chi cụ thể của các chức danh hoặc nhóm chức danh, áp dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu: Mức chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Thuê chuyên gia trong nước: Mức chi không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3, Nghị quyết này;

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Mức chi không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3, Nghị quyết này.

3. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước và theo quy định hiện hành. Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu. Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ chi tiếp khách. Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, như sau:

a) Người chủ trì: Cấp tỉnh 1.500.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 900.000 đồng/buổi;

b) Thư ký: Cấp tỉnh 375.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 225.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên: Cấp tỉnh 2.250.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 1.350.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày: Cấp tỉnh 1.125.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 675.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia: Cấp tỉnh 225.000 đồng/thành viên/buổi; cấp cơ sở 135.000 đồng/thành viên/buổi.

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

6. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị quyết này.

7. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 05% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 225.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 135.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

8. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn và các nội dung khác có liên quan trực tiếp đến phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng; hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng; công tác phí cho các thành viên Hội đồng được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc thực hiện và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chi thù lao Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chủ tịch: Cấp tỉnh 900.000 đồng; cấp cơ sở 540.000 đồng;

b) Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 600.000 đồng; cấp cơ sở 360.000 đồng;

c) Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 180.000 đồng; cấp cơ sở 110.000 đồng;

d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 120.000 đồng; cấp cơ sở 70.000 đồng;

đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 420.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 250.000 đồng/phiếu;

e) Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 300.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 180.000 đồng/phiếu;

g) Chủ tịch Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 420.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 250.000 đồng/nhiệm vụ;

h) Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 300.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 180.000 đồng/nhiệm vụ.

3. Chi thù lao Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chủ tịch: Cấp tỉnh 1.440.000 đồng; cấp cơ sở 860.000 đồng;

b) Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 1.200.000 đồng; cấp cơ sở 720.000 đồng;

c) Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 240.000 đồng; cấp cơ sở 150.000 đồng;

d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 160.000 đồng; cấp cơ sở 100.000 đồng;

đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 800.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 480.000 đồng/phiếu;

e) Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 560.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 340.000 đồng/phiếu.

4. Chi hoạt động của Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi tại khoản 2, Điều này.

5. Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động: Cấp tỉnh 1.200.000 đồng/chuyên gia; cấp cơ sở 720.000 đồng/chuyên gia.

6. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tổ trưởng: Cấp tỉnh 750.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 450.000 đồng/nhiệm vụ;

b) Thành viên: Cấp tỉnh 525.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 315.000 đồng/nhiệm vụ;

c) Thư ký hành chính: Cấp tỉnh 225.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 135.000 đồng/nhiệm vụ;

d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 150.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 90.000 đồng/nhiệm vụ.

7. Chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập: Cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập, với mức chi bằng 05 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp hội đồng của Chủ tịch hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng) của hội đồng tương ứng.

8. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

9. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ chi tiếp khách.

10. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 3, Nghị quyết này.

11. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 18 (chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 3 năm 2025. / *SEA*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Lê Thị Nhung